

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số huyện Đăk Glei năm 2024

Thực hiện Kế hoạch số 4627/KH-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Kon Tum về việc Chuyển đổi số tỉnh Kon Tum năm 2024. Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số huyện Đăk Glei năm 2024 cụ thể như sau:

PHẦN I
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2023

I. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ năm 2023

1. Nâng cao nhận thức

- Thực hiện các nhiệm vụ được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh giao¹ đối với công tác chuyển đổi, UBND huyện Đăk Glei thường xuyên chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, UBND các xã, thị trấn xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt nhằm xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; thường xuyên tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; các chủ trương, chính sách, pháp luật, chiến lược về ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện Chuyển đổi số của Đảng và Nhà nước; nâng cao nhận thức của toàn xã hội trên địa bàn huyện trong việc thực hiện chuyển đổi số để xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

- Trang thông tin điện tử, hệ thống thông tin cơ sở luôn duy trì hoạt động thường xuyên, mở chuyên mục chuyển đổi số để triển khai công tác phổ biến, tuyên truyền những văn bản liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trên địa bàn huyện.

- Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến cán bộ, công chức, viên chức tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác (bằng cách sử dụng Zalo và thực hiện quét mã QR); chia sẻ, phổ biến câu chuyện chuyển đổi số tại Chuyên mục T63 của Bộ Thông tin và Truyền thông (<https://t63.mic.gov.vn>). Việc triển khai và tuyên truyền, phổ biến đã góp phần nâng cao nhận thức về vai trò công nghệ thông tin, chuyển đổi số của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân, các cấp, các ngành trên địa bàn.

¹Tại các văn bản: Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18-02-2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 1250/KH-UBND ngày 29-4-2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18-02-2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch 3894/KH-UBND ngày 15-10-2020 về “triển khai thực hiện Chương trình Chuyển đổi quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Kế hoạch số 4325/KH-BCĐCĐS ngày 22-12-2022 của Ban chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh về nâng cao chỉ số Chuyển đổi số tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 4465/KH-UBND ngày 30-12-2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Chuyển đổi số tỉnh Kon Tum năm 2023; Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 08-02-2023 của Ủy ban nhân dân về việc giao chỉ tiêu triển khai số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum và các Văn bản có liên quan.

2. Về hoàn thiện chính sách, quy định cho chuyển đổi số: Nhằm triển khai, tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn huyện, trong năm 2023, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về chuyển đổi số làm cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số trong năm 2023 và các năm tiếp theo trên địa bàn huyện.

3. Phát triển hạ tầng số:

- Đã thiết lập hệ thống công nghệ thông tin tổng thể của huyện đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cơ bản cho việc triển khai xây dựng Chính quyền số; quản lý hệ thống văn bản điều hành và sử dụng các ứng dụng phần mềm có khả năng tích hợp, kết nối, chia sẻ thông tin với các Sở, ngành chức năng, đảm bảo sự phát triển, tính sẵn sàng tương thích với xu hướng công nghệ mới. 100% các cơ quan hành chính nhà nước cấp huyện, xã, thị trấn kết nối với mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Nhà nước. Số điểm cầu họp trực tuyến 13 điểm (*01 điểm trung tâm, 12 điểm cầu các xã, thị trấn*).

- 100% công chức tại các cơ quan, đơn vị cấp huyện và cấp xã, thị trấn có máy tính sử dụng trong công việc; tỷ lệ máy tính được kết nối Internet tại các cơ quan Nhà nước trên địa bàn huyện đạt 100% (*trừ các máy tính soạn thảo văn bản “mật”*).

- Hiện nay, trên địa bàn huyện đã có 05 xã² có hệ thống Đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông; hạ tầng mạng cáp quang phủ đến 100% xã và 87% số thôn được phủ sóng 4G.

4. Nhân lực số:

- Số lượng cán bộ, công chức, viên chức phụ trách công nghệ thông tin: 03 người (*02 đại học của Phòng VH TT, Phòng GD&ĐT, 01 cao đẳng của Văn phòng HĐND-UBND huyện*); thường xuyên được cử tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về CNTT của các sở, ngành tỉnh tổ chức.

- Số lượng cán bộ, công chức, viên chức có chứng chỉ ứng dụng CNTT theo Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản trở lên theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp: 100% CBCC đã có chứng chỉ.

- 12/12 xã, thị trấn đã thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo về chuyển đổi số; 93/93 thôn, làng có tổ công nghệ số cộng đồng.

- Về cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng để phục vụ triển khai chuyển đổi số: cấp huyện phân công 02 cán bộ chuyên trách; cấp xã hầu hết là cán bộ kiêm nhiệm, chưa qua đào tạo chuyên sâu về CNTT, trình độ CNTT chỉ ở mức có chứng chỉ ứng dụng CNTT theo Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản.

- Về bồi dưỡng, nâng cao kiến thức chuyển đổi số, kỹ năng CNTT: đã đăng ký tham gia lớp tập huấn về thông tin cơ sở trên nền tảng OneTouch của Bộ Thông tin và Truyền thông cho cán bộ, công chức cấp xã; Cử cán bộ phụ trách CNTT tham gia 02 buổi tập huấn và diễn tập ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng năm 2023; cử cán bộ, công chức tham gia các lớp tập huấn phổ biến chuyển đổi số, kiến trúc Chính quyền điện tử. Ngoài ra, trong năm huyện còn tổ chức các lớp tập huấn:

² Các xã: Mường Hoang, Xốp, Đăk Choong, Đăk Man, Đăk Pék

Hướng dẫn lập hồ sơ lưu trữ trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Tập huấn hướng dẫn thực hiện nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính trên Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; Hướng dẫn chấm điểm Chuyển đổi số trên hệ thống phần mềm của tỉnh; Tập huấn chuyên đề về công tác kiểm soát TTHC, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ thông tin và truyền thông cơ sở năm 2023...

5. An toàn thông tin mạng:

- Tình hình an toàn thông tin tại địa phương:
- + Về hạ tầng trang thiết bị: Chưa có thiết bị tường lửa chuyên dụng cho hệ thống mạng.
- + Về nhân sự bố trí mảng an toàn thông tin: Đã phân công 02 cán bộ chuyên trách CNTT phụ trách.
- + Số cuộc tấn công mạng gây ra sự cố vào các hệ thống thông tin: Không có.
- Số hệ thống thông tin (HTTT) được phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ (HSDXCĐ): 0 hệ thống.
- Tình hình triển khai giải pháp phòng, chống mã độc bảo vệ cho máy chủ, máy trạm, thiết bị đầu cuối theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại: UBND huyện đã giao Phòng VHTT triển khai, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, UBND cấp xã triển khai cài đặt đến 100% các máy tính.

6. Hoạt động chính quyền số:

a. Về ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành nội bộ cơ quan:

- Tình hình sử dụng thư điện tử công vụ và chữ ký số chuyên dùng Chính phủ: Hầu hết cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã đã được cấp thư điện tử công vụ để thực hiện nhiệm vụ. UBND huyện đã triển khai và thường xuyên chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ để trao đổi văn bản trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành.
- Việc xử lý văn bản và hồ sơ công việc trên Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của tỉnh đảm bảo 100% văn bản điện tử của UBND huyện được ký số thay thế văn bản giấy (*trừ văn bản thuộc phạm vi bí mật nhà nước*). Việc thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử: 17.835 văn bản. Trong đó thực hiện gửi văn bản điện tử: 4.826 văn bản, nhận văn bản điện tử: 13.009 văn bản.
- Việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ thông qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh:
 - + Cấp huyện: **905** hồ sơ³
 - + Cấp xã: **8971** hồ sơ⁴.
- Việc thực hiện Hệ thống thông tin báo cáo của của tỉnh: tỷ lệ thực hiện báo cáo KTXH đạt 74%; tỷ lệ thực hiện báo cáo PCTN đạt 84%.
- Việc triển khai các phần mềm chuyên ngành khác phục vụ quản lý, điều hành công việc tại cơ quan, địa phương:
 - + Giáo dục và Đào tạo: Ứng dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu Giáo dục và Đào tạo.

³ Số hồ sơ mới tiếp nhận: 905 hồ sơ, trực tiếp: 722 hồ sơ, trực tuyến: 138 hồ sơ; kỳ trước chuyển sang: 45 hồ sơ; hồ sơ đã giải quyết: 855 hồ sơ; đang giải quyết: 45 hồ sơ trong hạn, 05 hồ sơ quá hạn; dừng xử lý: 0 hồ sơ.

⁴ Số hồ sơ mới tiếp nhận: 8.971 hồ sơ, trực tiếp: 7.815 hồ sơ, trực tuyến: 1.147 hồ sơ; kỳ trước chuyển sang: 09 hồ sơ; Số hồ sơ đã giải quyết: 8.892 hồ sơ; đang giải quyết: 31 hồ sơ trong hạn, 03 hồ sơ quá hạn; dừng xử lý: 45 hồ sơ.

- + Tài nguyên và Môi trường: Hệ thống thông tin đất đai (ViLis 2.0).
- + Tư pháp: Ứng dụng quản lý hộ tịch 13 cơ quan.
- + Nội vụ: Ứng dụng Hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức.
- + Quản lý hoạt động thanh tra, kiểm tra: Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại tố cáo.
- + Tài chính - Kế hoạch: Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (TABMIS); Hệ thống Thông tin về Đầu tư sử dụng vốn NN; Kho dữ liệu ngân sách Nhà nước; phần mềm đăng ký mã số trực tuyến, phần mềm kế toán HCSN, phần mềm lập dự toán lương và CCTL, phần mềm quản lý tài sản.
- + Các ngành khác: Ứng dụng hệ thống quản lý người có công; Ứng dụng Quản lý Kế toán - Tài chính Misa...

b. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp:

- Tổng số dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần đã cung cấp: 225 (toàn trình 121, một phần 59); tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình 53,7% (121/225 TTHC); tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến 13% (1.285/9.876 hồ sơ); tỷ lệ thủ tục hành chính có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến: 35,03%.
- Trang thông tin điện tử huyện do cơ quan điều hành, quản lý được xây dựng đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định của Nhà nước, Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng, tích hợp các kênh thông tin hỗ trợ người dân và doanh nghiệp dễ dàng giao tiếp với cơ quan nhà nước thông qua môi trường điện tử.

7. Hoạt động kinh tế số, Xã hội số:

- Công tác thúc đẩy các doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, tham gia chương trình SMEdx: Chưa thực hiện.
- Thúc đẩy các doanh nghiệp trên địa bàn sử dụng hợp đồng điện tử, nộp thuế điện tử: đã triển khai, khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn sử dụng hợp đồng điện tử, nộp thuế điện tử.
- Tỷ lệ sản phẩm OCOP, sản phẩm có thể mạnh của địa phương đưa lên sàn thương mại điện tử Vò sò và Postmart: 22,91% (11/48 sản phẩm)
- Tổ công nghệ số cộng đồng đã tổ chức hướng dẫn người dân cài đặt, sử dụng dịch vụ số phục vụ cho nhu cầu thiết yếu về y tế, giáo dục, chính sách xã hội; đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt thông qua các nền tảng số; hướng dẫn đăng ký cài đặt và sử dụng các tài khoản thanh toán điện tử; sử dụng các ứng dụng chuyển đổi số; tham gia sàn thương mại điện tử...

8. Khó khăn, vướng mắc:

- Hạ tầng cơ sở vật chất về công nghệ thông tin trên địa bàn nhìn chung đã được đầu tư nhưng cũng còn hạn chế, nhiều máy tính của các cơ quan, đơn vị, UBND xã cấu hình thấp, lạc hậu, một số thiết bị cũ chưa tối ưu hóa cho công việc và triển khai nhiệm vụ.
- Việc triển khai thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn huyện còn khó khăn do thiếu nhân lực chuyên môn.
- Chất lượng cung cấp DVCTT, hiệu quả sử dụng DVCTT còn chưa cao; tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến còn thấp.
- Nguồn ngân sách đầu tư cho chuyển đổi số còn hạn chế, dàn trải, chưa đáp

ứng yêu cầu.

PHẦN II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2024

I. Căn cứ lập Kế hoạch

1. Văn bản của tỉnh:

- Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 2039/KH-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ và Kế hoạch số 123/KH-TU ngày 20/01/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương chính sách, chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4;

- Kế hoạch số 3894/KH-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 909/KH-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Kon Tum, giai đoạn 2021-2025;

- Kế hoạch số 3630/KH-UBND ngày 8 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin giai đoạn 2021-2025” trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Kế hoạch số 1250/KH-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18-02-2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 1319/KH-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển Chính quyền số tỉnh Kon Tum đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 509/KH-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022- 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh;

- Kế hoạch số 1945/KH-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện “Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số” trên địa bàn tỉnh;

- Kế hoạch số 2751/KH-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Kế hoạch số 3549/KH-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm

2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Kế hoạch số 3698/KH-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

- Kế hoạch số 3148/KH-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển hạ tầng số tỉnh Kon Tum đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Kế hoạch số 4627/KH-UBND ngày 29/12/2023 v/v Chuyển đổi số tỉnh Kon Tum năm 2024.

2. Văn bản của huyện:

- Chương trình số 65-CTr/HU ngày 22/7/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18-02-2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch 219/KH-UBND ngày 23/9/2022 của UBND huyện thực hiện Chương trình 65-CTr/HU ngày 22-7-2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XIX thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 18-02-2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 30/10/2020 của UBND huyện về triển khai thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 127/KH-UBND ngày 31/05/2021 của UBND huyện về ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan Nhà nước huyện Đăk Glei giai đoạn 2021 - 2025;

- Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 19/04/2023 của UBND huyện về thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Đăk Glei.

- Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 18/3/2024 v/v triển khai thực hiện Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số trên địa bàn huyện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung:

- Tập trung vào các hoạt động phát triển, kết nối, chia sẻ, khai thác, phân tích dữ liệu phục vụ chính phủ số, kinh tế số và xã hội số với trọng tâm là: xác định các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế số để tập trung thúc đẩy.

- Phân đầu cải thiện vị trí xếp hạng về chỉ số chuyển đổi số của huyện (DTI) góp phần cải thiện chỉ số thành phần về hiện đại hóa nền hành chính trong bộ chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) của huyện.

2. Mục tiêu cụ thể: Các chỉ tiêu thực hiện năm 2024 và phân công thực hiện tại Phụ lục 1 (kèm theo).

III. Nhiệm vụ trọng tâm: Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo.

IV. Giải pháp

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp:

- Tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả chuyên mục “Chuyên đổi số” trên Trang thông tin điện tử huyện, Trang thông tin điện tử các cơ quan, đơn vị địa phương; Đài truyền thanh huyện, xã.

- Tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức và người dân tham gia kênh truyền thông chuyên đổi số quốc gia trên Zalo.

- Tuyên truyền, phổ biến, chia sẻ kinh nghiệm về các nội dung, mô hình chuyên đổi số của các bộ, ngành, địa phương tại: Cổng thông tin về chuyên đổi số quốc gia tại địa chỉ: <https://dx.gov.vn/>.

- Phổ biến, hướng dẫn để người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến; mua sắm trực tuyến; thanh toán trực tuyến; tự bảo vệ mình trên không gian mạng.

- Phối hợp với các doanh nghiệp nền tảng số trong việc tuyên truyền, phổ biến, tập huấn kỹ năng số cho người dân thông qua việc sử dụng nền tảng số.

- Ứng dụng nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp (Smartbot) phục vụ giải đáp thông tin, vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn huyện trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, phòng chống dịch bệnh, các cơ chế, chính sách có liên quan.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp:

- Tiếp tục nghiên cứu, triển khai đặt hàng, giao nhiệm vụ để doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một số công việc trong hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện và nhân rộng đến cấp xã để phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Phối hợp, hỗ trợ, tạo điều kiện để doanh nghiệp triển khai hạ tầng mạng cáp quang, mạng di động băng rộng 5G, hạ tầng IoT; cung cấp các sản phẩm, dịch vụ như: đô thị thông minh, chữ ký số, mobile money, điện toán đám mây, các ứng dụng, nền tảng phục vụ chuyên đổi số của ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, hội chợ nhằm tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, quảng bá, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số trên địa bàn huyện.

3. Nghiên cứu ứng dụng hiệu quả các công nghệ:

- Triển khai dịch chuyển lên nền tảng điện toán đám mây (*ưu tiên hình thức thuê dịch vụ chuyên nghiệp*) phục vụ chính quyền số. Ứng dụng các nền tảng số để các cơ quan nhà nước quản lý, điều hành nghiệp vụ chuyên ngành dựa trên dữ liệu, đồng bộ, thông suốt từ trung ương đến địa phương.

- Đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số vào triển khai chuyên đổi số, nhất là công nghệ chuỗi khối (blockchain), trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (big data), thực tế ảo... trong điều hành, quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

4. Thu hút nguồn lực công nghệ thông tin:

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số.

- Huy động kinh phí hợp pháp khác của các đơn vị thuộc đối tượng tham gia;

kinh phí tài trợ từ các nước và tổ chức quốc tế để phục vụ chuyển đổi số.

- Ưu tiên triển khai hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin, hợp tác công - tư, giao nhiệm vụ, hình thức đặt hàng tùy theo từng nhiệm vụ cụ thể.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế:

- Hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài trong việc thu hút nguồn lực, tri thức, chuyên gia công nghệ số vào huyện.

- Cử công chức tham gia đào tạo, diễn tập quốc tế về an toàn thông tin mạng do các đơn vị tổ chức.

- Tăng cường tham quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm với các tổ chức ngoài nước trong chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng.

V. Kinh phí

1. Đối với nhiệm vụ của cơ quan nhà nước:

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao trong dự toán của cơ quan, đơn vị, địa phương năm 2024 theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Khuyến khích nguồn kinh phí huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác; sử dụng nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án liên quan đã được phê duyệt và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ.

2. Đối với các nhiệm vụ chuyển đổi số của doanh nghiệp:

- Kinh phí triển khai là của doanh nghiệp để chuyển đổi sang mô hình kinh doanh mới.

- Nhà nước hỗ trợ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ (*phục vụ công tác kết nối, tư vấn, đào tạo, ...*).

VI. Tổ chức thực hiện

1. Các Phòng, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao (*tại Phụ lục 1,2 kèm theo*) có trách nhiệm xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ, quy định, hoàn thành trước 15/4/2024.

- Triển khai các nhiệm vụ và giải pháp cải thiện Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 2266/UBND-KGVX ngày 15 tháng 7 năm 2022.

- Bố trí tối thiểu 01% tổng chi thường xuyên của từng cấp ngân sách (*huyện, xã*) để triển khai thực hiện các hoạt động, chương trình, đề án, nhiệm vụ phục vụ chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh (*trong đó đảm bảo 10% chi phí đầu tư cho an toàn, an ninh mạng*) của cơ quan, đơn vị, cấp mình.

- Tuyên truyền, hướng dẫn cho cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp, người dân trên địa bàn huyện khai thác, ứng dụng CNTT, gắn kết chặt chẽ CNTT với cải cách hành chính, sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến.

- Tổng hợp báo cáo 6 tháng (*trước ngày 10/6/2024*) và cả năm (*trước ngày 10/12/2024*) gửi về Phòng Văn hóa và Thông tin để tổng hợp, báo cáo chung của huyện.

2. Phòng Văn hóa và Thông tin:

- Theo dõi, đôn đốc, báo cáo tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch; chủ

động cập nhật các khó khăn, vướng mắc có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ thực hiện Kế hoạch; trên cơ sở đó, phối hợp với các đơn vị, địa phương nghiên cứu phương án tháo gỡ và báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định.

- Phối hợp các ngành triển khai đào tạo nâng cao nhận thức, trình độ, năng lực về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ trong cơ quan nhà nước và cộng đồng.

- Phối hợp tuyên truyền các nội dung và kết quả triển khai Chương trình chuyển đổi số của huyện.

- Tổng hợp báo cáo kết quả 6 tháng (*trước 20/6/2024*) và cả năm (*trước ngày 20/12/2024*) gửi Ủy ban nhân dân huyện, Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số huyện, Sở Thông tin và Truyền thông theo quy định.

3. Văn phòng HĐND-UBND huyện: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tiếp tục sử dụng có hiệu quả các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh triển khai để góp phần phát triển Chính quyền số, chuyển đổi số của huyện, tỉnh.

4. Phòng Tài chính - Kế hoạch: Phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân huyện bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch này theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương.

6. Phòng Nội vụ: Phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin và các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện các giải pháp nhằm kết hợp chặt chẽ việc triển khai Kế hoạch này với các chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của huyện.

7. Trung tâm VH-TT-DL&TT huyện, Trang thông tin điện tử huyện: Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và người dân về các nội dung và kết quả triển khai Kế hoạch chuyển đổi số của huyện.

Căn cứ nội dung Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động xây dựng Kế hoạch và triển khai thực hiện đảm bảo phù hợp, đúng quy định. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, kịp thời phản ánh về Phòng Văn hóa và Thông tin để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện xem xét, điều chỉnh phù hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Thông tin và Truyền thông (p/h);
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện;
- Ban Tuyên giáo Huyện ủy;
- Văn phòng Huyện ủy;
- Các phòng, ban, ngành, đơn vị thuộc huyện;
- Các tổ chức chính trị - xã hội huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Chi cục Thống kê huyện;
- Các Ngân hàng trên địa bàn huyện;
- Các Doanh nghiệp Bưu chính, Viễn thông trên địa bàn huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Y Thanh

PHỤ LỤC 1
CÁC CHỈ TIÊU THỰC HIỆN NĂM 2024 VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei)

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu năm 2024	Chủ trì	Phối hợp	Ghi chú
I	Hạ tầng số				
1	Tỷ lệ số thôn được phủ sóng băng rộng di động	99%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các Doanh nghiệp viễn thông	Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông
II	Dữ liệu số				
1	Cập nhật, chia sẻ dữ liệu lên Kho cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh theo Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của UBND tỉnh	100%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ngành, UBND các xã, thị trấn	
2	Cung cấp dữ liệu mở (theo Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của UBND tỉnh)	100%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ngành, UBND các xã, thị trấn	
III	Chính quyền số				
1	Thủ tục hành chính được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến.	80%	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các phòng, ngành, UBND các xã, thị trấn	
2	Thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	60%	Các phòng, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng HĐND-UBND huyện	
3	Thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	30%	Các phòng, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng HĐND-UBND huyện	
4	Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	100%	Các phòng, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng HĐND-UBND huyện	
5	Hồ sơ thủ tục hành chính được người dân, doanh nghiệp thực hiện trực tuyến từ xa	50%	Các phòng, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng HĐND-UBND huyện	
6	Các báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) của các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, được tích hợp, kết nối,	70%	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các phòng, ngành, địa phương	

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu năm 2024	Chủ trì	Phối hợp	Ghi chú
	chia sẻ dữ liệu với các hệ thống dùng chung của tỉnh và Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ				
7	Hoạt động kiểm tra hành chính định kỳ của cơ quan quản lý nhà nước đối với đối tượng quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.	55%	Thanh tra huyện	Các phòng, ngành, địa phương	
8	Cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản.	50%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ngành, UBND cấp xã	
IV	Kinh tế số				
9	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP	>5%	Chi cục Thống kê huyện	Các phòng, ngành; UBND cấp xã	
10	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực	3%	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Các phòng, ngành; UBND cấp xã	
11	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ (<i>Giao dịch thương mại điện tử bán lẻ/ tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng</i>)	>3%	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	Các phòng, ngành; UBND cấp xã	
12	Tỷ trọng thanh toán viện phí không dùng tiền mặt (<i>Tỷ lệ thanh toán viện phí không dùng tiền mặt tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh/tổng lượt thanh toán viện phí tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh</i>)	$\geq 15\%$	Phòng Y tế	Các cơ sở Y tế trên địa bàn huyện	
13	Doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng các nền tảng chuyên đổi số	>3%	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Các phòng, ngành	
14	Tỷ lệ hộ kinh doanh cá thể có sản phẩm trên nền tảng thương mại điện tử	>2%	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	UBND cấp xã	
15	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử	> 60%	Chi Cục thuế huyện		
V	Xã hội số				

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu năm 2024	Chủ trì	Phối hợp	Ghi chú
16	Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh.	>80%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các doanh nghiệp viễn thông	
17	Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng	>65%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các doanh nghiệp viễn thông	
18	Tỷ lệ dân số trưởng thành (14 tuổi) có tài khoản định danh điện tử	>80%	Công an huyện	Các phòng, ngành; UBND cấp xã	
19	Tỷ lệ dân số trưởng thành (14 tuổi) có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	>5%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các doanh nghiệp viễn thông	
20	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác	>75%	Các ngân hàng trên địa bàn huyện	Các doanh nghiệp viễn thông	
21	Tỷ lệ dân số trưởng thành (14 tuổi) có tài khoản dịch vụ công trực tuyến	>60%	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Công an huyện triển khai kích hoạt ứng dụng VneID	
22	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	>85%	Phòng Y tế	Các cơ sở Y tế trên địa bàn huyện	
23	Tỷ trọng thanh toán học phí không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục	70%	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện	
24	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục có ứng dụng nền tảng số trong giảng dạy	>60%	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở đào tạo	
25	Tỷ lệ các cơ sở khám chữa bệnh (công lập) có kết nối với cơ sở tuyến trên để hội chẩn trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa	>10	Phòng Y tế	Các cơ sở khám chữa bệnh	
26	Tỷ lệ hộ gia đình có địa chỉ số đáp ứng các trường thông tin cơ bản	>20 %	Phòng Văn hóa và Thông tin	Bưu điện huyện, UBND cấp xã	
27	Tỷ lệ bệnh viện tuyến huyện triển khai phương thức thanh toán điện tử không dùng tiền mặt	100%	Phòng Y tế		Duy trì
VI	An toàn, an ninh mạng				
28	Hệ thống thông tin của UBND huyện được phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin	100%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Văn phòng HĐND-UBND huyện	

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu năm 2024	Chủ trì	Phối hợp	Ghi chú
29	Hệ thống thông tin của UBND huyện đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ	100%	Phòng Văn hóa và Thông tin	Văn phòng HĐND-UBND huyện	
30	Các trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá an toàn thông tin và dán nhãn tín nhiệm mạng	100%	Văn phòng HĐND-UBND huyện, UBND cấp xã	Phòng Văn hóa và Thông tin	

PHỤ LỤC 4

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM CHUYÊN ĐỔI SỐ NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei)

STT	Nội dung nhiệm vụ, giải pháp	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Thế chế số			
1.1	Phối hợp rà soát, bổ sung chính sách cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã.	Trong năm
1.2	Tham mưu triển khai chính sách khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Phòng Văn hóa và Thông tin	Trong năm
1.3	Phối hợp rà soát, đề xuất sửa đổi chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh đồng bộ với Luật Giao dịch điện tử	Phòng Văn hóa và Thông tin	Phòng Tư pháp; Các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã	30/5/2024
1.4	Báo cáo kết quả chuyển đổi số năm 2024	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã	30/11/2024
1.5	Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trang thông tin điện tử	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã	Trong năm
1.6	Triển khai thực hiện Quyết định ban hành Kế hoạch chuyển đổi số ngành nông nghiệp tỉnh Kon Tum theo Kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phiên bản 2.0 đến năm 2025, định hướng năm 2030	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã	Sau khi tỉnh ban hành Quyết định
2	Hạ tầng số			
2.1	Rà soát các vùng lõm sóng trên địa bàn đề xuất Bộ Thông tin và Truyền thông bổ sung khu vực công cấp dịch vụ viễn thông công ích	Phòng Văn hóa và Thông tin; UBND cấp xã	Các Doanh nghiệp viễn thông	Thường xuyên
2.2	Lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo gửi Bộ Thông tin và Truyền thông để hỗ trợ mua điện thoại thông minh; phân đấu mỗi người dân trưởng thành có một điện thoại thông minh	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND cấp xã	6 tháng, năm
2.3	Thống kê các khu vực (thôn) khó khăn chưa kết nối cáp quang, đăng ký sử dụng Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam để triển khai đường cáp quang đến từng thôn; phân đấu mỗi hộ gia đình có khả năng tiếp cận một đường Internet cáp quang băng rộng	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các Doanh nghiệp viễn thông; UBND cấp xã	9/2024

2.4	Trong năm, mỗi đơn vị trang bị từ 01-03 máy vi tính cho cán bộ, công chức, viên chức phục vụ làm việc (<i>thay thế số máy tính đã xuống cấp, cấu hình thấp, hết khấu hao tài sản</i>)	Các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Trong năm
3	Nhân lực số			
3.1	Triển khai bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho công chức, viên chức (trực tiếp và trực tuyến)	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã	Hoàn thành trước 31/11
3.2	Triển khai bồi dưỡng, tập huấn cho Tổ công nghệ số cộng đồng (trực tiếp và trực tuyến)	Phòng Văn hóa và Thông tin	UBND cấp xã	Hoàn thành trước 31/11
3.3	Tổ công nghệ số cộng đồng hướng dẫn kỹ năng số cho người dân	UBND cấp xã	Phòng Văn hóa và Thông tin	Hoàn thành trước 31/11
4	Nhận thức số			
4.1	Tổ chức hưởng ứng ngày chuyển đổi số 10-10	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã	10/2024
4.2	Hệ thống truyền thanh cơ sở cấp huyện, xã duy trì tần suất phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số (<i>01 tuần/lần</i>)	Trung tâm VH-TTDL&TT huyện, UBND cấp xã	Phòng Văn hóa và Thông tin; Các đơn vị thuộc huyện	Thường xuyên
4.3	Trang thông tin điện tử huyện duy trì số lượng tin, bài về Chuyển đổi số trên Chuyên mục Chuyển đổi số tối thiểu 24 tin, bài/năm.	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã	Mỗi tháng 02 tin, bài
4.4	Công chức, viên chức khai thác Cổng thông tin về chuyển đổi số quốc gia tại địa chỉ: dx.gov.vn để nghiên cứu câu chuyện, bài học, mô hình chuyển đổi số thành công	Các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã	Phòng Văn hóa và Thông tin	Thường xuyên
4.5	Tuyên truyền người dân, doanh nghiệp sử dụng chữ ký số trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến và các giao dịch khác trên môi trường mạng	Phòng Văn hóa và Thông tin; Các Doanh nghiệp viễn thông	UBND cấp xã	Thường xuyên
5	Nền tảng số cơ bản			
5.1	Duy trì và phát huy hiệu quả các nền tảng, hệ thống thông tin dùng chung phục vụ cho phát triển Chính phủ số/Chính quyền số	Văn phòng HĐND-UBND huyện; Phòng Văn hóa và Thông tin; Phòng Nội vụ	Các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên
6	Dữ liệu số			
6.1	Phát triển cơ sở dữ liệu (<i>Cập nhật, chia sẻ dữ liệu lên Kho cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh theo Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của UBND tỉnh</i>)	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, ngành, đơn vị; UBND cấp xã	Thường xuyên
6.2	Cung cấp dữ liệu mở (<i>theo Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của UBND tỉnh</i>)	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, ngành, đơn vị; UBND cấp xã	Thường xuyên

6.3	Duy trì, hoàn thiện Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên
7	An toàn thông tin mạng			
7.1	Xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ cho hệ thống thông tin UBND huyện	Phòng Văn hóa và Thông tin	Văn phòng HĐND-UBND huyện	30/6/2024
7.2	hệ thống thông tin của UBND huyện được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt	Phòng Văn hóa và Thông tin	Văn phòng HĐND-UBND huyện	30/11/2024
7.3	Tham gia diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng	Phòng Văn hóa và Thông tin	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Trong năm
7.4	100% các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá và gán nhãn tín nhiệm mạng	Các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã	Phòng Văn hóa và Thông tin	30/6/2024
7.5	Các máy chủ, máy trạm của cơ quan nhà nước được cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC)	Các phòng, ban, ngành, đơn vị; UBND cấp xã	Phòng Văn hóa và Thông tin	3/2024
7.6	Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân.	Phòng Văn hóa và Thông tin	Trung tâm VH TTDL&TT; Trang TTĐT huyện; Website các đơn vị, địa phương	Thường xuyên
8	Doanh nghiệp công nghệ số			
8.1	Nghiên cứu cơ sở dữ liệu về công nghiệp ICT Việt Nam (<i>doanh nghiệp, sản phẩm, dịch vụ số</i>) tại địa chỉ: makeinvietnam.mic.gov.vn , để tham khảo, phân tích phục vụ phát triển doanh nghiệp công nghệ số	Các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã	Phòng Văn hóa và Thông tin	Thường xuyên
9	Chính phủ số			
9.1	Tiếp tục phối hợp triển khai, phát triển hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh: Phần đầu năm 2024, tối thiểu 70% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) của các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, được tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống dùng chung của tỉnh và Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ (<i>theo Quyết định số 617/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh</i>)	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên

9.2	<p>Tiếp tục phối hợp rà soát, hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ưu tiên thiết kế lại giao diện, trải nghiệm của người dùng với các dịch vụ công trực tuyến thiết yếu, nhiều người dùng; - Bảo đảm kỹ thuật, kết nối với hệ thống giám sát của Bộ Thông tin và Truyền thông (EMC). - Duy trì, cập nhật thông tin trên kênh số khác (facebook; zalo..) 	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã	Trong năm
9.3	<p>Tiếp tục rà soát, đề xuất phê duyệt DVCTT toàn trình, nâng cao tỷ lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - DVCTT toàn trình; - DVCTT được điền sẵn thông tin; - DVCTT được cá thể hóa. 	Các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Thường xuyên
9.4	Tiếp tục triển khai các nội dung về nâng cao chất lượng, hiệu quả DVCTT (theo Văn bản số 3109/BTTTT-CĐSQG ngày 01/8/2023 và 2641/UBND-KGVX ngày 15/8/2023 của UBND tỉnh)	Các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã;	Văn phòng HĐND-UBND huyện	6/2024
9.6	Tuyên truyền, đôn đốc, hướng dẫn người dân và doanh nghiệp sử dụng DVCTT	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên
9.7	Triển khai Nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến của người dân (VNForm) do Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai để khảo sát, thu thập ý kiến của người dân và doanh nghiệp	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Phòng Văn hóa và Thông tin	Thường xuyên
10	Kinh tế số			
10.1	Tuyên truyền, phổ biến để các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn huyện biết để sử dụng các nền tảng số chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa.	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên
10.2	Hỗ trợ các doanh nghiệp sử dụng công cụ do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp để thực hiện đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp tại địa chỉ dbi.gov.vn	Phòng Văn hóa và Thông tin	Các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên
11	Xã hội số			
11.1	Mỗi người dân có một danh tính số			
11.1.1	Tuyên truyền, thúc đẩy người dân cài đặt tài khoản VNeID, đặc biệt là định danh mức độ 2	Công an huyện	Các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã	Trong năm

11.1.2	<i>Phối hợp rà soát các hệ thống thông tin phục vụ người dân; tích hợp sử dụng tài khoản VNeID để khai thác, sử dụng dịch vụ số</i>	<i>Phòng Văn hóa và Thông tin</i>	<i>Các phòng, ban, ngành</i>	<i>Trong năm</i>
11.2	Mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản thanh toán số			
11.2.1	<i>Triển khai làm thẻ, ví điện tử cho người dân</i>	<i>Các ngân hàng</i>	<i>Các tổ chức tín dụng</i>	<i>Thường xuyên</i>
11.2.2	<i>Triển khai dịch vụ Mobile Money ở những vùng chưa có hệ thống ngân hàng</i>	<i>Các Doanh nghiệp viễn thông</i>	<i>Phòng Văn hóa và Thông tin; UBND cấp xã</i>	<i>Thường xuyên</i>
11.2.3	<i>Tuyên truyền, khuyến khích các cửa hàng, cửa hiệu ưu tiên thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt</i>	<i>UBND cấp xã</i>	<i>Các Doanh nghiệp viễn thông; Phòng Văn hóa và Thông tin;</i>	<i>Thường xuyên</i>
11.2.4	<i>Các bệnh viện, trường học triển khai thanh toán không dùng tiền mặt (theo Kế hoạch số 877/KH-UBND ngày 29/03/2022)</i>	<i>Phòng Y tế; Phòng Giáo dục và Đào tạo</i>	<i>Các ngân hàng; Các tổ chức tín dụng; Các Doanh nghiệp viễn thông.</i>	<i>Thường xuyên</i>
11.3	Mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản dịch vụ công trực tuyến.			
11.3.1	<i>Tuyên truyền, thúc đẩy mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản dịch vụ công trực tuyến (tài khoản VneID, tài khoản VnConnect)</i>	<i>Văn phòng HĐND-UBND huyện</i>	<i>Công an huyện; Các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã</i>	<i>Thường xuyên</i>
11.3.2	<i>Tổ công nghệ số cộng đồng tích cực triển khai đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người truy cập, sử dụng dịch vụ công trực tuyến</i>	<i>UBND cấp xã</i>	<i>Phòng Văn hóa và Thông tin; Văn phòng HĐND-UBND huyện</i>	<i>Thường xuyên</i>
11.4	Mỗi người dân trưởng thành có một chữ ký số cá nhân			
11.4.1	<i>Tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân trưởng thành sử dụng chữ ký số cá nhân</i>	<i>Phòng Văn hóa và Thông tin</i>	<i>Các Doanh nghiệp viễn thông; UBND cấp xã</i>	<i>Thường xuyên</i>
11.4.2	<i>Tuyên truyền, khuyến khích các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng chữ ký số để ký hợp đồng lao động</i>	<i>Phòng Văn hóa và Thông tin</i>	<i>Các Doanh nghiệp viễn thông; Các phòng, ban, ngành; UBND cấp xã</i>	<i>Thường xuyên</i>
11.4.3	<i>Phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số tổ chức các chiến dịch cấp chữ ký số miễn phí cho người dân</i>	<i>Phòng Văn hóa và Thông tin</i>	<i>Các Doanh nghiệp viễn thông; UBND cấp xã</i>	<i>Thường xuyên</i>

11.5	Mỗi người dân được đảm bảo an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản: Tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân được bảo đảm an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản (<i>không làm lộ lọt dữ liệu cá nhân; ngăn chặn được các website, thông tin mà người dân không mong muốn; an toàn khi tham gia các hoạt động thanh toán trên môi trường số</i>)	Phòng Văn hóa và Thông tin	Trung tâm VH TTDL&TT; Trang TTĐT huyện; Các Doanh nghiệp viễn thông.	Thường xuyên
11.6	Phát triển trường học số (triển khai thực hiện chuyển đổi số trong trường học các cấp thuộc phạm vi quản lý. Trước hết là ứng dụng công nghệ số hiệu quả trong công tác quản lý, quản trị nhà trường; trong công tác giảng dạy và học tập	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện	2024-2025
11.7	Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện chuyển đổi số toàn diện trong các bệnh viện thuộc phạm vi quản lý. Chú trọng phát triển các nền tảng số phục vụ công tác quản lý hành chính tại bệnh viện; hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa.	Phòng Y tế	Các cơ sở y tế	2024-2025
11.8	Lựa chọn thôn (làng, khu phố), xã có điều kiện để hình thành làng số, xã số, khu phố không dùng tiền mặt, từ đó nhân rộng, lan tỏa kinh nghiệm	UBND cấp xã	Phòng Văn hóa và Thông tin; Phòng Tài chính - Kế hoạch	2024-2025